

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

HOÀNG THỊ THU HIỀN

THỜI HIỆU THỪA KẾ

*Chuyên ngành* : Luật dân sự

*Mã số* : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2012

Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội

*Người hướng dẫn khoa học*: PGS.TS Bùi Đăng Hiếu

*Phản biện 1*:

*Phản biện 2*:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2012.

## MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	1
<b>Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỜI HIỆU THỪA KẾ</b>	7
1.1. Khái niệm thời hạn, thời hiệu, thời hiệu thừa kế	7
1.1.1. Thời hạn và các loại thời hạn	7
1.1.2. Thời hiệu và các loại thời hiệu	9
1.1.3. Thời hiệu thừa kế và cách tính thời hiệu thừa kế	14
1.2. Đặc điểm của thời hiệu thừa kế	16
1.3. Ý nghĩa của việc quy định thời hiệu thừa kế	18
1.4. Hậu quả của việc hết thời hiệu thừa kế	20
1.5. Cơ sở của việc quy định thời hiệu thừa kế	21
1.5.1. Cơ sở lý luận	21
1.5.2. Cơ sở thực tiễn	24
1.6. Thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử	25
1.6.1. Giai đoạn từ ngày 10/9/1990 đến 01/7/1996	25
1.6.1.1. Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8 ngày 10/9/1990	25
1.6.1.2. Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990	27
1.6.2. Giai đoạn từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/2006	32
1.6.2.1. Bộ luật Dân sự năm 1995	32
1.6.2.2. Thông t- liên tịch số 03/1996/TTLN-TANDTC-VKSNDTC	36
1.6.2.3. Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP	37

1.6.3. Giai đoạn từ ngày 01/01/2006 đến nay	39
<b>Chương 2: THỜI HIỆU THỪA KẾ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH</b>	42
2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về thời hiệu khởi kiện về thừa kế	42
2.2. Phân chia di sản thừa kế (hoặc một phần di sản thừa kế) khi đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế	48
<b>Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU THỪA KẾ</b>	57
3.1. Thực tiễn áp dụng	57
3.2. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về thời hiệu thừa kế	66
<b>KẾT LUẬN</b>	80
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	82

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

#### • Về mặt lý luận

Thời hiệu thừa kế là một trong những nội dung quan trọng trong hệ thống các quy phạm pháp luật dân sự Việt Nam nói chung, cũng như của chế định thừa kế nói riêng. Trong những năm gần đây, số vụ việc tranh chấp về thừa kế liên quan đến vấn đề thời hiệu thừa kế luôn chiếm tỷ trọng lớn trong các tranh chấp dân sự và có tính chất ngày càng phức tạp. Nguyên nhân bởi các quy định về thừa kế nói chung và thời hiệu thừa kế nói riêng mang tính khái quát cao. Chính vì vậy, việc áp dụng các quy định pháp luật về thời hiệu thừa kế tạo ra nhiều cách hiểu và áp dụng không thống nhất, hơn nữa khi áp dụng lại phát sinh nhiều tình huống khó xử lý.

Do đó, nghiên cứu về thời hiệu thừa kế có ý nghĩa sâu sắc không chỉ trên phương diện lý luận mà còn cả trong lĩnh vực đời sống. Với ý nghĩa đó, luận văn phân tích các quy định trong Bộ luật Dân sự về thời hiệu thừa kế ở cả khía cạnh đánh giá ưu điểm và nhược điểm, từ đó đề xuất các phương án nhằm hoàn thiện các quy định này trong Bộ luật Dân sự năm 2005.

#### • Về mặt thực tế

Quá trình nghiên cứu cũng như thực tế thi hành pháp luật về thời hiệu thừa kế gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc...trong khi đó không phải lúc nào các văn bản hướng dẫn cũng được ban hành kịp thời. Điều này dẫn đến sự thiếu đồng bộ khi áp dụng những quy định của pháp luật, gây nhiều khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng cũng như người tham gia tố tụng.

### 2. Tình hình nghiên cứu

Đề tài "Thời hiệu thừa kế" là một vấn đề không mới mẻ nhưng khá phức tạp. Bởi vậy, số lượng các bài viết, công trình nghiên cứu về vấn đề này còn rất hạn chế. Và nhìn chung các bài viết này chủ yếu chỉ đề cập một khía cạnh nhỏ của thời hiệu thừa kế. Do đó, với mong muốn có được cái nhìn tổng quát hơn, luận văn là công trình nghiên cứu mang tính chất đồng bộ, đề cập một cách có hệ thống và toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn về thời hiệu thừa kế theo pháp luật dân sự Việt Nam.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

#### - Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu:

+ Những vấn đề lý luận cơ bản về thời hiệu, thời hiệu thừa kế.

+ Những quy định của Bộ luật Dân sự về thời hiệu thừa kế.

+ Thực tiễn áp dụng và những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về thời hiệu thừa kế.

#### - Phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu một số vấn đề về lý luận và thực tiễn áp dụng về thời hiệu thừa kế dưới góc độ pháp luật Dân sự Việt Nam, trên cơ sở so sánh với một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết nhiệm vụ và đối tượng nghiên cứu.

### 4. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận văn dựa trên phương pháp luận biện chứng duy vật nhìn nhận đối tượng nghiên cứu trong một hệ thống các sự vật, hiện tượng có tác động qua lại và liên quan đến đối tượng cần nghiên cứu của luận văn này, đồng thời không quên đặt nó trong một tiến trình lịch sử và phát triển.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp lịch sử trong mục "Thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử". Với phương pháp này, những quy định cũng như các văn bản pháp luật hướng dẫn về thời hiệu thừa kế, (bao gồm cả những phần được sửa đổi, bổ sung) đã được trích dẫn, phân tích. Từ đó, giúp người đọc có cái nhìn tổng quát hơn về quá trình phát triển của pháp luật dân sự nói chung và của chế định thời hiệu thừa kế nói riêng. Phương pháp phân tích được sử dụng hầu hết trong bài viết, đặc biệt là trong phần nội dung, hạn chế của luật thực định và ở phần đi kèm ra các giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật. Ngoài ra, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê...cũng được sử dụng trong sự nhìn nhận tổng thể và khách quan về thời hiệu thừa kế.

### 5. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

#### • Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ một cách có hệ thống về mặt lý luận những nội dung cơ bản về thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật

hiện hành như thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế, thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, chia di sản khi đã hết thời hiệu khởi kiện thừa kế, thời hiệu thừa kế đối với di chúc chung của vợ chồng... Từ đó luận văn xác định những vướng mắc, bất cập và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả áp dụng quy định này trong thực tiễn xét xử, bảo vệ quyền lợi của các chủ thể và hoàn thiện pháp luật dân sự Việt Nam.

#### • **Nhiệm vụ nghiên cứu**

Từ mục đích nghiên cứu trên, tác giả luận văn đặt cho mình những nhiệm vụ nghiên cứu chủ yếu sau:

##### - Về mặt lý luận

+ Phân tích, đánh giá các khái niệm, các quy định của luật dân sự Việt Nam về thời hiệu thừa kế như: Thời hiệu yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế, bác bỏ quyền thừa kế; thời hiệu khởi kiện yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại; phân chia di sản thừa kế khi đã hết thời hiệu khởi kiện; các trường hợp không áp dụng thời hiệu thừa kế về quyền thừa kế...

+ Tìm hiểu pháp luật của một số nước trên thế giới về thời hiệu thừa kế nhằm so sánh và tham khảo cũng như đưa ra cái nhìn tổng thể, từ đó đề ra những giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao chất lượng các quy định về thời hiệu thừa kế.

##### - Về mặt thực tiễn

+ Tập trung nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy phạm pháp luật dân sự về thời hiệu thừa kế trong thực tiễn nói chung.

+ Phân tích những hạn chế, tồn tại của chế định này.

+ Xác định nguyên nhân của những hạn chế đó.

#### **6. Những điểm mới của luận văn**

Luận văn là công trình nghiên cứu có tính hệ thống và toàn diện về thời hiệu thừa kế. Luận văn có những điểm mới sau đây:

- Phân tích làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về thời hiệu thừa kế.

- Làm rõ được cơ sở của việc quy định thời hiệu thừa kế.

- Phân tích có hệ thống các quy định về thời hiệu thừa kế trong luật dân sự, qua đó đánh giá thực trạng áp dụng ở nước ta trong thời gian qua.

- Đề xuất được một số giải pháp cụ thể nhằm đưa ra những sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện quy định về thời hiệu thừa kế trong Bộ luật Dân sự nhằm phù hợp với chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

#### **7. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

*Chương 1:* Khái quát chung về thừa kế.

*Chương 2:* Những quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành liên quan đến thời hiệu thừa kế.

*Chương 3:* Thực tiễn áp dụng pháp luật và những giải pháp hoàn thiện pháp luật về thời hiệu thừa kế.

#### **Chương 1**

### **KHÁI QUÁT CHUNG VỀ THỜI HIỆU THỪA KẾ**

#### **1.1. Khái niệm thời hạn, thời hiệu, thời hiệu thừa kế**

##### **1.1.1. Thời hạn và các loại thời hạn**

Thời hạn là khoảng thời gian đ-ợc xác định từ thời điểm này đến thời điểm khác. Tuy nhiên, thời hạn không đơn thuần chỉ là một khoảng thời gian mà nó đ-ợc xác định với t- cách là một sự kiện pháp lý đặc biệt, làm phát sinh, thay đổi hay làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong những tr-ờng hợp do luật định hoặc các bên thoả thuận.

Dựa vào việc thời hạn do chủ thể nào quy định, nhận thấy thời hạn pháp lý gồm ba loại: thời hạn do các bên thoả thuận, thời hạn do cơ quan nhà nước ấn định và thời hạn do pháp luật quy định.

Và để tính đúng thời hạn, phải xác định thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn đó. Vậy, ph-ơng thức xác định thời hạn thế nào?

Về ph-ơng thức xác định thời hạn, có thể là:

+ Khoảng thời gian đ-ợc tính bằng giờ, ngày, tuần, tháng, năm

+ Hoặc là sự kiện tất yếu sẽ xảy ra nh- ng không l-ờng tr-ớc đ-ợc một cách chắc chắn sẽ xảy ra vào một thời điểm cụ thể nào.

### **1.1.2. Thời hiệu và các loại thời hiệu**

Điều 154 Bộ luật Dân sự 2005 quy định: "Thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó, thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự".

Nh- vậy, thời hiệu tr- ớc hết phải là thời hạn, nh- ng nó khác thời hạn ở chỗ là khi hết một khoảng thời gian đ- ọc xem là thời hiệu thì sẽ làm phát sinh một hậu quả pháp lý đối với ng- ời có quyền hoặc ng- ời có nghĩa vụ. Nói cách khác, thời hiệu là một căn cứ pháp lý do pháp luật quy định làm phát sinh quyền dân sự, miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện.

Thời hiệu mang tính chất bắt buộc. Mọi sự thoả thuận của các bên tham gia quan hệ pháp luật dân sự nhằm thay đổi thời hiệu hoặc cách tính thời hiệu đều bị xem là vô hiệu và việc áp dụng thời hiệu cũng mang tính bắt buộc với Toà án hoặc cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền, trong việc xem xét, giải quyết các yêu cầu của ng- ời khởi kiện.

Theo quy định của Điều 164 Bộ luật Dân sự năm 1995, thời hiệu bao gồm những loại sau đây:

*"1. Thời hiệu h- ồng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó, thì chủ thể đ- ọc h- ồng quyền dân sự;*

*2. Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó, thì ng- ời có nghĩa vụ dân sự đ- ọc miễn việc thực hiện nghĩa vụ đó;*

*3. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể đ- ọc quyền khởi kiện để yêu cầu Toà án, cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc, thì mất quyền khởi kiện".*

Nh- vậy, thời hiệu gồm thời hiệu phát sinh quyền, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ (tiêu quyền) và thời hiệu khởi kiện. Trong ba loại thời hiệu đó, thời hiệu phát sinh quyền, thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ là thời hiệu của luật nội dung, nhằm khẳng định một quyền dân sự, còn thời hiệu khởi kiện theo nghĩa trực tiếp nhất là thời hiệu tố tụng, là ph- ong thức để các chủ thể bảo vệ quyền dân sự của mình bị xâm phạm.

Sau đó, Bộ luật dân sự năm 2005 ra đời, không có sự thay đổi lớn khi quy định về thời hiệu. Tại Điều 155, đã quy định cụ thể hơn, chi tiết hơn vì Bộ luật

này đã phân biệt rõ thời hiệu khởi kiện bao gồm: thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự và thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự.

### **1.1.3. Thời hiệu thừa kế và cách tính thời hiệu thừa kế**

Thời hiệu thừa kế sẽ áp dụng quy định theo điều 645 Bộ luật Dân sự 2005 "Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế".

Với quy định này, thời hiệu khởi kiện về thừa kế dài hơn so với thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu của các vụ việc dân sự khác. Đó là 10 năm để người thừa kế khởi kiện yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác và 03 năm kể từ thời điểm mở thừa kế để khởi kiện yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại.

Nh- vậy ở đây, thời hiệu khởi kiện về thừa kế đ- ọc pháp luật mặc định, bắt đầu đ- ọc tính từ thời điểm mở thừa kế, hay chính là thời điểm ng- ời để lại di sản chết.

### **1.2. Đặc điểm của thời hiệu thừa kế**

*- Thời hiệu thừa kế do pháp luật quy định và mang tính chất bắt buộc với các chủ thể tham gia quan hệ thừa kế.*

Thời hiệu này được luật quy định rõ ràng tại Điều 645 Bộ luật Dân sự 2005 và khi có các tranh chấp xảy ra, các chủ thể không thể thoả thuận về thời hiệu này. Nói cách khác, sự tồn tại của thời hiệu thừa kế không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của những người thừa kế. Bất cứ thoả thuận nào của những ng- ời thừa kế về không áp dụng thời hiệu, thay đổi thời hiệu đều không có giá trị pháp lý.

Bên cạnh đó, việc áp dụng quy định về thời hiệu thừa kế cũng là bắt buộc với Toà án, các cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền khác.

*- Thời hiệu thừa kế là cơ sở thực hiện quyền thừa kế, và là cơ sở để Toà án thụ lý vụ việc dân sự.*

Quy định về thời hiệu khởi kiện về thừa kế lần đầu tiên xuất hiện khi có Pháp lệnh thừa kế ngày 10.9.1990. Bộ luật dân sự năm 1995 và sau đó là Bộ luật dân sự năm 2005 cũng đã quy định thời hiệu khởi kiện thừa kế là 10 năm tính từ thời điểm mở thừa kế.

Nh- vậy ng- òi thừa kế phải căn cứ vào quy định này của pháp luật để thực hiện quyền thừa kế của mình, cơ quan tiến hành tố tụng phải lấy đó làm cơ sở để thụ lý vụ việc dân sự. Cụ thể, ng- òi thừa kế có quyền khởi kiện kể từ thời điểm mở thừa kế, tức thời điểm ng- òi để lại di sản chết. Đồng thời, về phạm vi áp dụng thời hiệu khởi kiện, ng- òi khởi kiện chỉ phải áp dụng thời hiệu này khi khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, khởi kiện yêu cầu xác nhận quyền thừa kế của mình hay bác bỏ quyền thừa kế của ng- òi khác. Họ cũng có quyền khởi kiện để yêu cầu ng- òi thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do ng- òi chết để lại.

Thời hiệu này đ- ọc tính bằng đơn vị là năm, cụ thể là 10 năm để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hay bác bỏ quyền thừa kế của ng- òi khác, và 03 năm để yêu cầu ng- òi thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do ng- òi chết để lại.

### **1.3. Ý nghĩa của việc quy định thời hiệu thừa kế**

*- Đối với giải quyết vụ việc dân sự*

Khi giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung và tranh chấp về thừa kế nói riêng, Toà án cần phải tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ để xác định sự thật khách quan nên nếu thời gian đã qua đi quá lâu, quá trình thu thập chứng cứ khó bảo đảm chính xác. Do đó, quy định về thời hiệu thừa kế tạo điều kiện bảo toàn chứng cứ, giúp cho Toà án có điều kiện tập trung giải quyết những tranh chấp thừa kế mới xảy ra, kịp thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người thừa kế.

*- Đối với ng- òi đ- ọc h- ởng di sản thừa kế*

Việc quy định thời hiệu thừa kế sẽ giúp người để lại di sản thừa kế cũng nh- ng- òi đ- ọc h- ởng di sản chủ động hơn, yên tâm hơn trong việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Bởi nếu không quy định thời hiệu thừa kế, những ng- òi đ- ọc thừa kế sẽ luôn bị đe dọa bởi tranh chấp có thể xảy ra, làm ảnh h- ởng đến quyền lợi và đời sống của họ. Mặt khác, quy định thời hiệu thừa kế còn giúp nâng cao trách nhiệm của người đ- ọc h- ởng thừa kế, họ phải cố gắng thực hiện quyền khởi kiện, quyền yêu cầu của mình trong một khoảng thời gian nhất định để tránh mất quyền khởi kiện, quyền yêu cầu.

*- Đối với đời sống- xã hội*

Khi quyền sở hữu của chủ thể bị xâm phạm, pháp luật quy định ng- òi đó có quyền khởi kiện tại Toà án, trong một thời hạn nhất định. Việc ng- òi đó khởi kiện

đúng thời hạn luật định, Toà án giải quyết đ- ọc các tranh chấp phát sinh chính là góp phần ổn định các quan hệ xã hội, bảo đảm cho các quan hệ xã hội phát triển lành mạnh.

*- Góp phần đảm bảo cho các bên còn khả năng cung cấp chứng cứ và chứng minh cho quyền lợi hợp pháp của mình.*

Việc quy định thời hiệu thừa kế là động lực thúc các chủ thể nhanh chóng thực hiện quyền của mình. Đồng thời đảm bảo cho các bên còn khả năng cung cấp nguồn chứng cứ, tích cực thu thập chứng cứ và chứng minh cho quyền lợi hợp pháp của mình.

*- Giảm thiểu sự quá tải của cơ quan giải quyết tranh chấp*

Nếu không quy định thời hiệu đối với tất cả các quan hệ dân sự rất dễ dẫn đến vụ án bị kéo dài bất tận mà không có điểm dừng. Nh- vậy thì ở góc độ nào đó sẽ khó khăn cho cơ quan xét xử và ảnh h- ởng đến quyền lợi hợp pháp của các bên. Do đó quy định về thời hiệu thừa kế còn nâng cao trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng.

### **1.4. Hậu quả của việc hết thời hiệu thừa kế**

Khi hết thời hiệu khởi kiện các chủ thể của quan hệ thừa kế sẽ mất quyền khởi kiện, quyền yêu cầu.

### **1.5. Cơ sở của việc quy định thời hiệu thừa kế**

#### **1.5.1. Cơ sở lý luận**

Theo góc nhìn lịch sử, pháp luật ra đời nếu không quy định về thời hiệu thì việc kiện tụng giữa các đ- ồng sự sẽ diễn ra trong thời gian dài đối với những sự việc có thể xảy ra đã quá lâu. Điều này gây nhiều khó khăn trong quá trình giải quyết tranh chấp, mà vẫn không bảo vệ đ- ọc ng- òi có quyền lợi bị xâm phạm. Do đó, thời hiệu ra đời một phần xuất phát từ nguyên nhân sâu xa đó, nói cách khác, nó ra đời là do nhu cầu của đời sống chứ không phải là phát minh riêng của mỗi quốc gia

Về phương diện xã hội, thời hiệu là phương tiện được sử dụng nhằm ổn định tình trạng hiện hữu của các quan hệ xã hội sau một thời gian nào đó vì lợi ích của thương mại hay pháp lý.

Theo nguyên tắc tự do ý chí, thời hiệu được coi như là một sự suy đoán có tính mặc nhiên về ý chí của chủ thể đối với quyền lợi. Luật suy đoán rằng người có quyền lợi đã từ bỏ tổ quyền nếu họ không hành động trong thời hạn mà họ đã có thể thực hiện nó. Như vậy, nếu trong một thời hạn nhất định, người có quyền lợi đã không khởi kiện mặc dù không có bất kỳ trở ngại nào cản trở việc thực

hiện quyền này thì có thể suy đoán rằng họ đã từ bỏ quyền khởi kiện của mình. Theo góc nhìn này, người có nghĩa vụ có thể được giải thoát khỏi gánh nặng về nghĩa vụ dân sự. Như vậy có thể thấy, thời hiệu là một khoảng thời gian do pháp luật quy định mà khi thời gian đó kết thúc thì quyền dân sự được xác lập, nghĩa vụ dân sự được miễn trừ hoặc quyền khởi kiện chấm dứt.

### **1.5.2. Cơ sở thực tiễn**

Thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự của Tòa án gặp rất nhiều khó khăn, bởi việc các chủ thể gửi đơn khởi kiện một cách tùy tiện gây mất thời gian cho Tòa án trong việc tiếp nhận đơn và thụ lý giải quyết các vụ việc dân sự. Nếu không đặt ra vấn đề giới hạn về thời gian mà các chủ thể có quyền khởi kiện, yêu cầu dẫn đến việc đặt Tòa án vào tình trạng quá tải. Do đó, việc quy định về thời hiệu thừa kế sẽ khoanh vùng được các vụ việc Tòa án có thể giải quyết.

### **1.6. Thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử**

#### **1.6.1. Giai đoạn từ ngày 10.09.1990 đến 01.07.1996**

1.6.1.1. *Pháp lệnh thừa kế số 44- LCT/HĐNN8 ngày 10.09.1990*

1.6.1.2. *Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19.10.1990*

#### **1.6.2. Giai đoạn từ ngày 01.07.1996 đến ngày 01.01.2006**

1.6.2.1. *Bộ luật dân sự năm 1995*

1.6.2.2. *Thông t- liên tịch số 03/1996/TTLN/TANDTC-VKSNDTC*

1.6.2.3. *Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP*

#### **1.6.3. Giai đoạn từ ngày 01.01.2006 đến nay**

## **Chương 2**

### **THỜI HIỆU THỪA KẾ**

#### **THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH**

##### **2.1. Quy định của pháp luật hiện hành về thời hiệu khởi kiện về thừa kế**

*a. Thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình, bác bỏ quyền thừa kế của người khác.*

Điều 645 Bộ luật Dân sự quy định về thời hiệu khởi kiện về thừa kế như sau: "Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền

thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế".

Tại Khoản 1 Điều 633 ghi nhận: Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Như vậy, việc một người chết sẽ làm phát sinh quan hệ pháp luật về thừa kế. Về mặt lý thuyết, pháp luật quy định thời hiệu này bắt đầu từ thời điểm mở thừa kế- tức thời điểm người có nghĩa vụ chết, tuy nhiên trong thực tế ít có trường hợp người có quyền thực hiện ngay quyền khởi kiện của mình mà thường là sau một khoảng thời gian để họ trấn tĩnh lại và sắp xếp, giải quyết các công việc.

Theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành thì việc một người chết, ngoài trường hợp chết thực tế về mặt sinh học, còn có trường hợp chết về mặt pháp lý, tức là bị tuyên bố là đã chết bằng quyết định của Tòa án theo yêu cầu của người có quyền, lợi ích liên quan. Trong hai trường hợp này thì ngày một người được xác định là đã chết có sự khác biệt, do đó thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện cũng khác nhau.

Để xác định ngày người đó chết, Tòa án căn cứ vào các thời điểm được quy định tại Khoản 1 Điều 81 Bộ luật Dân sự. Sau đó, căn cứ vào cách xác định thời điểm bắt đầu các thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 81 Bộ luật Dân sự Tòa án có thể xác định thời điểm một người bị coi là đã chết, từ đó xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

Theo quy định của Điều 645 Bộ luật Dân sự cho thấy, những người thừa kế có quyền tự định đoạt việc khởi kiện hay không khởi kiện trong thời hạn này, nếu thời hạn này chấm dứt, những người thừa kế sẽ mất quyền yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế. Cụ thể:

- Về yêu cầu chia di sản thừa kế: Di sản thừa kế của người để lại tài sản bao gồm nhiều loại tài sản, trong đó có những tài sản rất khó xác định đúng giá trị và khó phân chia. Ví dụ như quyền sử dụng đất, nhà ở, công trình xây dựng, xe máy, ô tô... Những tài sản này khi phân chia không thể đơn giản là chia đôi, chia ba tài sản đó, vì nếu làm như thế tài sản sẽ mất giá trị, thậm chí không thể sử dụng được. Phương thức tốt nhất là, những người thừa kế thoả thuận được với nhau người thừa kế nào nhận hiện vật nào, ai nhận tiền và khoản tiền chênh lệch giữa các tài sản thuộc di sản thừa kế là bao nhiêu... Khi không thống nhất với những người thừa kế khác về cách phân chia di sản, người thừa kế có quyền yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế.

- Về yêu cầu Toà án xác nhận quyền thừa kế của mình hay bác bỏ quyền thừa kế của người khác. Đây là trường hợp một người đáng lẽ phải là một trong số những người thừa kế, nhưng không được công nhận là người thừa kế, hoặc không được nhận di sản; hoặc trường hợp một người không có quyền hưởng thừa kế di sản nhưng lại được nhận di sản thừa kế.

Trong trường hợp kiện yêu cầu Toà án xác nhận quyền thừa kế, người yêu cầu phải đưa ra các bằng chứng chứng minh tư cách người thừa kế của mình. Ví dụ: xuất trình chứng minh thư, giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn... để chứng minh quan hệ huyết thống, quan hệ hôn nhân, hoặc quan hệ nuôi dưỡng với người để lại di sản; hoặc đưa ra di chúc mà người quá cố đã lập để lại di sản cho mình.

Trong trường hợp bác bỏ quyền thừa kế của người khác, người yêu cầu cũng phải đưa ra các bằng chứng chứng minh người thừa kế đó thuộc một trong các trường hợp bị truất quyền thừa kế, hoặc không phải là người thừa kế theo di chúc (vì người quá cố đã lập một bản di chúc khác thay thế), hoặc người đó không thuộc hàng thừa kế được hưởng di sản.

Mặt khác, theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật dân sự năm 2005 thì một người có thể không thực hiện được quyền khởi kiện do xảy ra một trong các sự kiện sau thì thời gian bị mất trong trường hợp xảy ra các sự kiện đó cũng không tính vào thời hiệu khởi kiện. Đó là:

- Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.

- Chưa có người đại diện trong trường hợp người có quyền khởi kiện, người có quyền yêu cầu chưa thành niên, mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

- Chưa có người đại diện khác thay thế hoặc vì lý do chính đáng khác mà không thể tiếp tục đại diện được trong trường hợp người đại diện của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự chết.

*b. Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại.*

Điều 648 Bộ luật Dân sự 1995 không qui định về thời hiệu khởi kiện đòi nợ do người chết để lại. Khắc phục nhược điểm này, Bộ luật Dân sự 2005 đã bổ sung qui

định về thời hiệu khởi kiện đòi thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại là 3 năm, tính từ ngày mở thừa kế. Có nghĩa, trong thời hạn 3 năm kể từ ngày mở thừa kế, các chủ nợ không đòi nợ người thừa kế thì quyền đòi nợ chấm dứt. Thế nh- ng qui định này cũng cho thấy những bất cập. Ví dụ, có những món nợ đã đến ngày hết thời hiệu khởi kiện (theo qui định chung đối với khởi kiện vụ án dân sự), nhưng nếu người có nghĩa vụ mà chết thì thời hiệu khởi kiện lại được cộng thêm 3 năm nữa ("*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế*") làm cho thời hiệu khởi kiện thực tế kéo dài thêm rất lâu so với qui định chung; mặt khác, có những nghĩa vụ chưa tới hạn mà người có nghĩa vụ chết, thì thời hiệu khởi kiện được tính từ thời điểm nào: bắt đầu từ ngày đáo hạn hay bắt đầu khi người có nghĩa vụ chết, là điều còn nhiều tranh cãi. Hơn nữa, qui định thời hiệu chung cho các loại *nghĩa vụ của người sống* chỉ có hai năm, nhưng đòi nợ của người đã chết thì đến những 3 năm, chưa kể khoảng thời gian trước khi con nợ chết chưa được luật cho trừ ra, là điều khó lý giải. Thiết nghĩ qui định này cần có sự giải thích và hướng dẫn của các cơ quan liên ngành để việc áp dụng pháp luật được thống nhất.

## **2.2. Phân chia di sản thừa kế (hoặc một phần di sản thừa kế) khi đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế**

Thực tiễn xét xử ngày nay vẫn có khá nhiều vụ án yêu cầu chia di sản thừa kế mà di sản thừa kế đã hết thời hiệu khởi kiện hoặc tr- ờng hợp có phần còn thời hiệu nh- ng có phần lại hết thời hiệu khởi kiện.

Vậy, giải quyết vấn đề này thế nào? Hiện nay, pháp luật Việt Nam đang thiếu những quy định xác định tính chất pháp lý của tài sản khi hết thời hiệu khởi kiện. Do đó trong trường hợp hết thời hiệu khởi kiện, căn cứ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án từ chối thụ lý giải quyết thì di sản để lại thuộc quyền sở hữu của ai, họ phải làm thủ tục như thế nào để đăng ký quyền sở hữu của mình? Pháp luật chưa có quy phạm điều chỉnh vấn đề này, và do vậy, người đang chiếm hữu tài sản tiếp tục chiếm hữu mà không thể trở thành chủ sở hữu, người đang tranh chấp tiếp tục khiếu nại nhiều nơi, khiếu nại vượt cấp.

Để giải quyết tình huống này, tại tiết a Điểm 2.4 tiểu mục II Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao có hướng dẫn về các trường hợp không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, cũng như cách phân chia di sản thừa kế sau khi đã hết thời hiệu khởi kiện



như sau: "trong thời hạn mười năm kể từ thời điểm mở thừa kế mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về quyền thừa kế và có văn bản cùng xác nhận là đồng thừa kế hoặc sau khi kết thúc thời hạn mười năm mà các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế và đều thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia thì di sản chuyển thành tài sản chung của các thừa kế. Khi có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà áp dụng các quy định của pháp luật về chia tài sản chung để giải quyết...".

Nh- vậy, căn cứ vào quy định của Nghị quyết thì việc không áp dụng thời hiệu khởi kiện về thừa kế phải thỏa mãn hai điều kiện: *Một là*, các thừa kế đều thừa nhận đó là di sản thừa kế ch- a chia; *hai là*, Các thừa kế có văn bản xác nhận đó là tài sản chung của các đồng thừa kế. Trong tr- ờng hợp các vụ án thỏa mãn hai điều kiện nói trên thì dù sau thời hạn 10 năm các đồng thừa kế mới có yêu cầu chia di sản thì theo hướng dẫn của Nghị quyết này, đây là yêu cầu chia tài sản chung nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Đối với tr- ờng hợp các thừa kế không có văn bản xác nhận là tài sản chung thì cũng phải có đủ hai điều kiện sau đây thì Tòa án mới xác định đó là tài sản chung để chia, đó là:

- Các thừa kế phải thừa nhận đó là di sản thừa kế ch- a chia.
- Tất cả các đồng thừa kế đều đồng ý chia, không có bất cứ một thừa kế nào có tranh chấp về di sản, về diện những ng- ời đ- ợc h- ớng thừa kế...

### **Chương 3**

## **THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ THỜI HIỆU THỪA KẾ**

### **3.1. Thực tiễn áp dụng**

*a. Xác định thời điểm bắt đầu thời hiệu ch- a chính xác dẫn đến xác định thời điểm kết thúc thời hiệu sai và giải quyết vụ việc sai*

Điều 156 Bộ luật dân sự 2005 quy định "Thời hiệu đ- ợc tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu". Quy định này không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau. Ví dụ ông A chết hồi 15h00 ngày 1.1.1992. Vậy thời hiệu khởi kiện về thừa kế đ- ợc tính nh- thế nào. Có hai cách xác định nh- sau:

Cách thứ nhất: Thời hiệu khởi kiện đ- ợc xác định từ 0h00 ngày 2.1.1992 và kết thúc vào 24h00 ngày 2.1.2002 (ngày 2.1.1992 là ngày đầu tiên tiếp sau ngày xảy ra sự kiện ông A chết.

Nh- vậy trong tr- ờng hợp này, thời điểm mở thừa kế đ- ợc tính lùi là 0h00 ngày 2.1.1992 (theo Điều 645 Bộ luật Dân sự). Nếu nh- vậy, thì những ng- ời thừa kế của ông A chết sau 15h00 ngày 1.1.1992 đến tr- ớc 0h00 ngày 2.1.1992 đều không có quyền h- ớng di sản của ông A vì không bị coi là chết trong cùng một thời điểm. (Điều 641 Bộ luật Dân sự)

Cách thứ hai: Thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế đ- ợc xác định theo giờ ng- ời để lại di sản chết.

Ví dụ ông A chết hồi 15h00 ngày 1.1.1992, thời hiệu khởi kiện đ- ợc xác định bắt đầu từ 15h00 ngày 1.1.1992 và kết thúc thời hiệu khởi kiện là vào 24h ngày 02.01.2002

Cách xác định này dẫn đến hệ quả, những ng- ời chết tr- ớc 15h00 ngày 1.1.1992 hoặc chết cùng thời điểm đó không phải là ng- ời thừa kế của ng- ời để lại di sản, nếu chết sau 15h00 ngày 1.1.1992, thậm chí chết sau chỉ một thời gian ngắn vẫn là ng- ời để lại di sản. Cách xác định này phù hợp quy định tại Điều 645 Bộ luật dân sự, bảo vệ đ- ợc quyền lợi của những ng- ời chết sau ng- ời để lại di sản trong một khoảng thời gian ngắn (thậm chí chỉ 5-7 phút). Nh- ng nếu nh- vậy thì phải hiểu Điều 156 nh- thế nào? Để phù hợp hơn, có lẽ cần phải dung hoà hai cách hiểu này, thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế sẽ đ- ợc tính bắt đầu từ thời điểm bắt đầu của ngày tiếp theo xảy ra sự kiện ng- ời để lại di sản chết và do đó thời điểm kết thúc là thời điểm kết thúc ngày t- ơng ứng 10 năm sau (nh- cách tính thứ nhất), tuy nhiên phải hiểu thời điểm mở thừa kế là thời điểm đ- ợc xác định bằng giờ ng- ời để lại di sản chết, tại thời điểm đó xác định ng- ời thừa kế, di sản của ng- ời chết...để bảo vệ quyền lợi của những ng- ời thừa kế.

*b. Thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế trong tr- ờng hợp vợ chồng lập di chúc chung còn nhiều v- ớng mắc. Cụ thể:*

+ *D- ối góc độ luật thực định:* Nhìn lại Bộ luật dân sự năm 1995, tại Điều 671 quy định "Trong trường hợp vợ, chồng lập di chúc chung mà có người chết trước, thì chỉ phần di chúc liên quan đến phần di sản của người chết trong tài sản chung có hiệu lực pháp luật; nếu vợ, chồng có thỏa thuận trong di chúc chung về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết, thì di sản của vợ, chồng theo di chúc chung chỉ được phân chia từ thời điểm đó".

Điều đó gây khó khăn cho việc thi hành di chúc vì chỉ có một giao dịch, nhưng có đến hai thời điểm có hiệu lực khác nhau.

Khắc phục nhược điểm này, Điều 668 Bộ luật Dân sự 2005 qui định: "*Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc thời điểm vợ, chồng cùng chết*". Qui định này tỏ ra hợp lý hơn so với qui định tương ứng trong Bộ luật Dân sự năm 1995, vì một di chúc chỉ có thể có một thời điểm có hiệu lực.

Tuy vậy, qui định này, tự thân nó, cũng còn vẫn chứa đựng nhiều bất cập. Liệu một di chúc chung của vợ, chồng có còn duy trì hiệu lực hay không, nếu vợ chồng được Tòa án cho ly hôn hoặc được Tòa án cho phép chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau thời điểm di chúc chung đã được lập?. Mặt khác, qui định này đã xâm phạm đến quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế theo pháp luật và người thừa kế bắt buộc của người vợ hoặc chồng chết trước và làm ảnh hưởng tới thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

+ *D- ới góc độ luật tố tụng*: Theo quy định tại Điều 161 Bộ luật Dân sự năm 2005 (các tr- ờng hợp không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự) thấy rằng: Nếu không có các tình huống đ- ợc đề cập ở Điều 161 này, sau 10 năm kể từ ngày mở thừa kế mà ng- ời có quyền khởi kiện mới khởi kiện vụ án thừa kế thì theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án sẽ trả lại đơn khởi kiện; nếu Toà án đã thụ lý, sau khi thụ lý mới phát hiện vụ án thuộc tr- ờng hợp đã hết thời hiệu khởi kiện thì Toà án sẽ căn cứ vào khoản 2 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện.

Trong thực tiễn xét xử, Toà án đã gặp các tr- ờng hợp tài sản chung của vợ chồng, sau đó hai vợ chồng đều đã chết, một ng- ời chết đã lâu và đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế, còn di sản của ng- ời chết sau vẫn còn thời hiệu. Quá trình giải quyết, các Toà án đều gặp khó khăn là tài sản của vợ chồng là thuộc sở hữu chung hợp nhất, vậy căn cứ vào đâu để xác định phần di sản nào là phần hết thời hiệu và Toà án xử lý phần hết thời hiệu nh- thế nào? Có xác định ai đ- ợc quyền sở hữu, quản lý không hay Toà án không đ- ợc đề cập gì đến phần hết thời hiệu?

*c. H- ớng dẫn của Nghị quyết 02/2004/HĐTP còn nhiều điểm ch- a hợp lý, ch- a triệt để.*

*Vấn đề 1*: Quy định trên đưa ra điều kiện "không có tranh chấp " thì tòa án mới thụ lý giải quyết là không hợp lý. Bởi lẽ:

Thực tế cho thấy, khi thụ lý vụ án, Tòa án thật khó xác minh việc có hay không có tranh chấp về hàng thừa kế và di sản, dẫn đến tình trạng sau khi thụ lý vụ án, mới phát hiện các yếu tố tranh chấp, Tòa án lại phải ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Điều này không những làm cho ngành Tòa án thêm gánh nặng mà khiến vụ việc lại trở về tình trạng "treo". Hơn nữa, với thời hạn mười năm sau khi người để lại di sản chết, thật hiếm có vụ án nào các đương sự không có tranh chấp về hàng thừa kế và di sản.

*Vấn đề 2*: Sự chuyển hoá quan hệ từ quan hệ thừa kế sang quan hệ chia tài sản chung đã và đang đặt ra những vướng mắc.

Theo Nghị quyết 02/2004/NQCP đã quy định thì để có sự chuyển hoá pháp luật từ yêu cầu chia di sản thừa kế sang yêu cầu chia di sản chung khi hết thời hiệu khởi kiện thì phải đảm bảo hai yếu tố. Một là: Các đồng thừa kế không có tranh chấp về hàng thừa kế; Hai là: Đề thừa nhận di sản do người chết để lại chưa chia.

Như vậy, chỉ được áp dụng quy định này khi không có yếu tố tranh chấp giữa các đồng thừa kế. Các đồng thừa kế khởi kiện yêu cầu chia di sản chung khi hết thời hiệu khởi kiện để Toà án ghi nhận sự định đoạt trong di chúc của người để lại di sản trong trường hợp có di chúc. Trong trường hợp không có di chúc khi đã hết thời hiệu khởi kiện về thừa kế các đồng thừa kế đáp ứng được hai điều kiện để chia tài sản chung nhưng không thoả thuận được về phần mỗi người được hưởng khi có nhu cầu chia di sản. Trong trường hợp này thì việc chia tài sản chung đó được thực hiện theo quy định của pháp luật về chia tài sản chung.

Tuy nhiên, thực tiễn giải quyết các vụ án dân sự loại này xảy ra nhiều vướng mắc khi rơi vào các trường hợp sau:

- Hết thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế mà các đương sự tranh chấp về hàng thừa kế.

- Các thừa kế không tranh chấp về hàng thừa kế nhưng người đang quản lý di sản (người thuộc hàng thừa kế) tranh chấp tài sản là của mình.

- Di sản thừa kế để lại, có người thừa kế cho rằng đã chia, có người thừa kế cho rằng chưa chia, có người thừa kế lại cho rằng đã chia một phần....

Như vậy, khi hết thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế chỉ cần phát sinh một yếu tố tranh chấp giữa các đồng thừa kế, nếu sự tranh chấp này còn trong thời hiệu khởi kiện thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người đề xuất, yêu cầu. Vấn đề đặt ra là khi hết thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế, đồng thời cũng không đủ

điều kiện để chia tài sản chung thì việc xác lập quyền sở hữu đối với di sản thừa kế đã hết thời hiệu khởi kiện sẽ đặt ra như thế nào?

*d. Quy định về thời hiệu hưởng quyền dân sự và thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế có sự chênh lệch.*

Bộ luật Dân sự có sự quy định khác nhau (lệch tương đối lớn) giữa thời hiệu hưởng quyền dân sự tại Khoản 1 Điều 247 Bộ luật Dân sự với thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế (Điều 645 Bộ luật Dân sự).

Điều 247 Bộ luật Dân sự quy định "*người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn mười năm đối với động sản, ba mươi năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu...*"

Như vậy, Bộ luật Dân sự cần có thêm quy định về thời hiệu hưởng quyền dân sự đặc biệt trong quan hệ thừa kế. Theo đó, hết thời hiệu khởi kiện, người đang quản lý hợp pháp di sản sẽ trở thành chủ sở hữu tài sản đó, điều luật này cần cũng phải quy định sao cho phù hợp với quy định về việc xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu (Điều 247).

### **3.2. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về thời hiệu thừa kế**

Tác giả xin đề ra một số giải pháp sau:

#### **\* Điều chỉnh thời hiệu khởi kiện về thừa kế**

Ng-ời thừa kế có quyền khởi kiện trong thời hạn 10 năm kể từ thời điểm mở thừa kế theo quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự 2005 để xác lập quyền thừa kế của mình hay bác bỏ quyền thừa kế của ng-ời khác, 03 năm để khởi kiện yêu cầu ng-ời thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản do ng-ời chết để lại. Tuy nhiên, Điều 247 Bộ luật Dân sự lại quy định thời hiệu xác định quyền sở hữu đối với động sản là 10 năm, đối với bất động sản là 30 năm.

Thực tế, với quy định có sự khác biệt nh- trên thì sẽ xảy ra tình huống: tài sản của một ng-ời để lại nếu để những ng-ời ở cùng hàng thừa kế quản lý thì sau 10 năm mà không khởi kiện là mất quyền khởi kiện đòi quyền sở hữu tài sản, nh- ng nếu để một ng-ời khác chiếm hữu ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 30 năm thì mới hết quyền đòi lại tài sản.

Vì những lẽ đó, cần có những giải pháp khắc phục từ gốc, giải quyết vấn đề một cách triệt để bằng cách xoá bỏ sự chênh lệch, điều chỉnh thời hiệu ở Điều

645 với thời hiệu theo Điều 247 Bộ luật Dân sự sao cho bằng nhau. Bởi, thời hiệu khởi kiện thừa kế cần phải đồng nhất với thời hiệu xác lập quyền sở hữu vì thừa kế là một trong những căn cứ quan trọng làm phát sinh quyền sở hữu. Ngược lại quyền sở hữu là tiền đề làm phát sinh quan hệ thừa kế.

Do vậy phải sửa đổi Điều 645 Bộ luật Dân sự 2005 theo hướng quy định về hai thời hiệu khởi kiện khác nhau: "*thời hiệu khởi kiện thừa kế di sản đối với động sản là 10 năm và đối với bất động sản là 30 năm, tính từ thời điểm mở thừa kế*".

#### **\* Bổ sung quy định liên quan đến di chúc chung của vợ chồng.**

Tác giả T- ông Duy L- ợng- Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trong cuốn "Pháp luật dân sự và thực tiễn xét xử- NXB Chính trị quốc gia năm 2009 cho rằng, đối với loại di chúc chung của vợ chồng, tùy từng tr- ờng hợp mà xử lý nh- sau:

- Nếu ng- ời vợ hoặc chồng chết tr- ớc chỉ có một thừa kế ở hàng thứ nhất chính là ng- ời vợ hoặc ng- ời chồng còn sống, và họ đã thực hiện trên thực tế việc hưởng quyền thừa kế của ng- ời chết tr- ớc thì khối di sản của họ đã bao gồm phần di sản của ng- ời chết tr- ớc. Do đó, không cần tách bạch phần di sản của ng- ời chết tr- ớc với phần di sản của ng- ời chết sau. Nếu ng- ời thừa kế ở hàng thứ hai, thứ ba của ng- ời chết tr- ớc xin hưởng di sản của ng- ời chết tr- ớc thì Tòa án không chấp nhận đơn của họ.

- Nếu phần di sản của ng- ời vợ hoặc ng- ời chồng chết tr- ớc, ch- a chuyển hoá sang cho ng- ời khác, nay thời hiệu khởi kiện không còn, các thừa kế kiện yêu cầu chia di sản của ng- ời này thì Tòa án không thụ lý giải quyết. Nếu họ yêu cầu chia di sản thừa kế phần di sản của ng- ời vợ hoặc ng- ời chồng chết sau (còn thời hiệu) thì thụ lý giải quyết, Tòa án cần tách phần di sản của ng- ời chết tr- ớc và phần di sản của ng- ời chết sau và Tòa án chỉ giải quyết phân chia phần di sản còn thời hiệu khởi kiện theo thủ tục chung.

Để xác định phần di sản nguyên là tài sản chung của vợ chồng thì căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 để phân chia. Về nguyên tắc, có thể chia đôi khối tài sản đó, để xác định phần di sản của từng ng- ời.

Trong khi ch- a có quy phạm pháp luật điều chỉnh, ng- ời viết kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định về thời hiệu khởi kiện thừa kế, cụ thể là bổ sung Điều 645 như sau: "*Ngoài những trường hợp quy định tại Điều 161 Bộ luật này, những trường hợp sau đây cũng không tính vào thời hiệu khởi kiện thừa kế:*

- Khoảng thời gian từ khi mở thừa kế di sản của người chết trước cho đến khi mở thừa kế của người chết sau, trong trường hợp di sản là tài sản chung của vợ, chồng chết vào hai thời điểm khác nhau và người có quyền khởi kiện là các con hoặc cháu hay chất của họ.

**\* Sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan trực tiếp đến thời hiệu khởi kiện đối với di sản dùng vào việc thờ cúng.**

Đối với di sản dùng vào việc thờ cúng phải có một quy định về thời hạn lưu truyền di sản dùng vào việc thờ cúng và thời hiệu khởi kiện riêng cho việc tranh chấp liên quan đến di sản dùng vào việc thờ cúng.

Thời hạn lưu truyền di sản dùng vào việc thờ cúng là thời hạn mà nghĩa vụ thờ cúng được thực hiện, nên được tính theo đời người hay theo thế hệ (thứ bậc trong tông - chi). Trong trường hợp nghĩa vụ thờ cúng đã được thực hiện xong thì di sản dùng vào việc thờ cúng (nếu còn) sẽ thuộc quyền sở hữu của người sau cùng hoàn thành nghĩa vụ thờ cúng. Và nh- vậy ng- ời thừa kế hợp pháp của người để lại di sản dùng vào việc thờ cúng có quyền khởi kiện trong hai trường hợp:

*Thứ nhất:* yêu cầu Toà án xác định hiệu lực pháp luật của di chúc được lập để định đoạt di sản dùng vào việc thờ cúng (như kiện huỷ bỏ di chúc vô hiệu do có nội dung trái pháp luật và đạo đức, do bị giả mạo, do bị lừa dối, do không còn minh mẫn, sáng suốt khi lập di chúc);

*Thứ hai:* Khi nghĩa vụ thờ cúng bị vi phạm thì người thừa kế có quyền yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của việc vi phạm đó (hoặc chỉ định người khác tiếp tục thực hiện việc thờ cúng hoặc di sản được chia theo pháp luật).

Từ phân tích trên, ng- ời viết kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định có liên quan trực tiếp đến thời hiệu khởi kiện đối với di sản dùng vào việc thờ cúng như sau: *Thời hiệu khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp liên quan đến di sản mà nội dung rơi vào tr- ờng hợp thứ nhất thì thời hiệu khởi kiện là 10 năm tính từ thời điểm mở thừa kế; còn nội dung rơi vào tr- ờng hợp thứ hai thì thời hiệu khởi kiện là 10 năm tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ thờ cúng".*

Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu không giống như tuyên bố giao dịch dân sự thông thường, do người lập di chúc đã không còn sống để có thể đối chứng hay cung cấp chứng cứ chứng minh về sự vô hiệu của di chúc, mà người thừa kế có thể là người ở xa, hoặc là người chưa thành niên hoặc là con (bị bỏ rơi, thất lạc...) chưa có điều kiện để xin xác định cha, mẹ ruột. Do đó, quy định như trên vừa bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của những người thừa kế khi có sự giả mạo di chúc hoặc di chúc vô hiệu, vừa bảo đảm sự trong sáng và nghiêm túc trong việc thực hiện nghĩa vụ thờ cúng của người được chỉ định trong di chúc để lo việc thờ cúng.

**\* Bổ sung thêm khoảng thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện.**

Điều 686 quy định việc phân chia di sản bị giới hạn trong hai trường hợp: khi người để lại di sản nói rõ trong di chúc hoặc khi tất cả những người thừa kế thoả thuận hạn chế phân chia di sản trong một thời hạn nhất định, thì trong khoảng thời gian đó, di sản không được chia thừa kế. Như vậy, việc hạn chế phân chia di sản trong những trường hợp nói trên sẽ được coi là khoảng thời gian không được tính vào thời hiệu khởi kiện. Nếu thời gian này không được trừ ra thì thời hiệu khởi kiện đòi quyền thừa kế trên thực tế sẽ bị rút ngắn, thậm chí triệt tiêu.

Trong khi đó, thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện theo Điều 161 của Bộ luật Dân sự thì phải do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, tức những sự kiện mang tính khách quan, ngoài ý muốn của các bên chủ thể tham gia quan hệ, chứ không do ý chí chủ quan của người có quyền khởi kiện. Mặt khác, thời hiệu là thời hạn do luật định mà không ai có thể thoả thuận để kéo dài hay rút ngắn. Trên thực tế, việc người lập di chúc hoặc tất cả những người thừa kế thoả thuận về việc phân chia di sản đã làm cho thời hiệu khởi kiện bị rút ngắn, thay vì 10 năm như quy định của Điều 645. Do vậy, nếu khoảng thời gian hạn chế phân chia di sản không được cộng thêm vào thời hiệu, thì sẽ làm cho quyền khởi kiện của người thừa kế bị xâm phạm. Để khắc phục bất cập này, chúng tôi kiến nghị bổ sung thêm nội dung này vào Điều 645. Khi đó Điều 645 (bổ sung) sẽ có thêm các nội dung sau: "*Ngoài những trường hợp quy định tại Điều 161 Bộ luật này, những trường hợp sau đây cũng không tính vào thời hiệu khởi kiện thừa kế. Đó là:*

- *Khoảng thời gian từ thời điểm mở thừa kế của người chết trước cho đến thời điểm mở thừa kế của người chết sau, nếu vợ, chồng thoả thuận trong di chúc chung về thời điểm có hiệu lực của di chúc chung là thời điểm người sau cùng chết theo quy định tại Điều 668 Bộ luật dân sự.*

- *Khoảng thời gian hạn chế phân chia di sản theo ý chí của người lập di chúc hoặc theo thoả thuận của tất cả những người thừa kế theo quy định tại Điều 686 của Bộ luật dân sự.*

- *Khoảng thời gian hạn chế phân chia di sản khi toà án tuyên bố hạn chế phân chia di sản theo yêu cầu của một bên vợ, chồng còn sống theo quy định tại*

*Điều 31 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn của Bộ luật dân sự.*

**\* Quy định rõ các trường hợp bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế**

Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 162 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì một trong những căn cứ để xác định thời hiệu khởi kiện bắt đầu lại khi các bên đã tự hoà giải với nhau. Như vậy, theo lý thuyết nếu những người thừa kế thoả thuận được với nhau thì thời hiệu khởi kiện thừa kế 10 năm sẽ được tính từ ngày thoả thuận giữa những người được xác lập, chứ không tính từ ngày mở thừa kế như quy định tại Điều 645 Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, quy định này cũng có nhiều ý kiến chưa thống nhất.

*Ý kiến thứ nhất cho rằng*, trong quá trình giải quyết tranh chấp di sản, nếu những người thừa kế hoà giải, thoả thuận được với nhau thì thời hiệu khởi kiện thừa kế sẽ bắt đầu lại theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 162 Bộ luật Dân sự như vừa trình bày.

*Ý kiến thứ hai cho rằng*, căn cứ để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện quy định ở điểm c, khoản 1, Điều 162 chỉ có thể áp dụng với giao dịch dân sự chứ không áp dụng đối với mọi loại thời hiệu khởi kiện, nên không áp dụng đối với thời hiệu khởi kiện về thừa kế.

Quan điểm của người viết thì cho rằng: bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 162 Bộ luật dân sự là áp dụng với mọi loại thời hiệu khởi kiện, bao gồm cả thời hiệu khởi kiện về thừa kế. Do đó, chỉ trong trường hợp các bên đồng sự tự hoà giải và rút đơn kiện mà thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì thời hiệu khởi kiện thừa kế sẽ được bắt đầu lại, tính từ thời điểm các bên thoả thuận được với nhau. Trong trường hợp các bên hoà giải được với nhau, ngay khi đó đã hết thời hiệu khởi kiện thì di sản thừa kế sẽ chuyển thành tài sản chung và chia tài sản theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP.

## KẾT LUẬN

Xác định thời hiệu khởi kiện về thừa kế là một trong những vấn đề rất quan trọng. Vì nó chính là cơ sở để xem xét có thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án hay không? Nếu trong khi thụ lý vụ án mà Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện của đồng sự đã hết thì Tòa án trả lại đơn kiện cho đồng sự theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 168 Bộ luật Tố tụng dân sự; Trường hợp đã thụ lý vụ án thì

Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, xoá tên vụ án đó trong sổ thụ lý, trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đồng sự...

Như vậy, có thể nói, nếu nhìn dưới góc độ thời điểm ban hành thì thời hiệu thừa kế không phải là quy định mới vì vấn đề này được đặt ra từ Pháp lệnh thừa kế năm 1990, sau đó là Bộ luật Dân sự năm 1995, Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận dưới góc độ hệ quả áp dụng của nó vào thực tiễn cuộc sống thì những năm gần đây, việc khởi kiện, khiếu nại về vấn đề này ngày càng nhiều và trở nên phức tạp. Nguyên nhân bởi quy định của pháp luật hiện hành về thời hiệu khởi kiện thừa kế còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng, chưa hợp lý, dẫn đến quá trình áp dụng trong thực tiễn của Tòa án còn khá lúng túng, chưa nhất quán. Luận văn, sau khi nghiên cứu một cách tổng thể nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam về thời hiệu thừa kế, cũng như thực tiễn áp dụng pháp luật thừa kế trong những năm gần đây đã đạt được một số kết quả sau đây:

1. Khái quát quá trình phát triển của pháp luật về thời hiệu thừa kế ở Việt Nam từ khi có Pháp lệnh thừa kế đến nay. Chỉ ra được tính kế thừa, sự thay đổi, phát triển của hệ thống quy phạm pháp luật về thời hiệu thừa kế, từ đó là căn cứ để đánh giá giá trị của các văn bản pháp luật trước đây cũng như tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật thực định.

2. Phân tích được cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc quy định về thời hiệu thừa kế theo quy định của pháp luật Việt Nam

3. Làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của luật thực định về thời hiệu thừa kế (thời điểm bắt đầu của thời hiệu thừa kế tính từ khi nào; thời hiệu khởi kiện để yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hay bác bỏ quyền thừa kế của người khác là bao lâu kể từ thời điểm mở thừa kế; đặc biệt là phân chia di sản khi đã hết thời hiệu thừa kế, hay trong trường hợp có phần còn thời hiệu khởi kiện người khác có phần thì đã hết thời hiệu...

4. Nghiên cứu những hạn chế, bất cập của luật cũng như những khó khăn trong quá trình áp dụng pháp luật, qua đó với mong muốn góp phần vào việc sửa đổi, bổ sung Bộ luật Dân sự, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, nâng cao tính hiệu quả trong quá trình áp dụng hệ thống quy phạm pháp luật về thời hiệu thừa kế.

Tuy nhiên, do những hiểu biết còn hạn chế, người viết rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo, các đồng nghiệp và bạn đọc.